TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: 318/2025/DS-PT Ngày 18 - 8 - 2025 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cao Khánh

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Bà Đinh Cẩm Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thủy Anh - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Từ Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 164/2025/TLPT-DS ngày 29 tháng 5 năm 2025 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2025/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 191/2025/QĐ-PT ngày 24 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Ông Lê Chí D, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là: Ấp Đ, xã Đ, tỉnh Cà Mau) (có mặt).

Căn cước công dân số: 096083017031; cấp ngày: 26/01/2022; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Bị đơn:

Bà Lê Thị Thùy D1, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là: Ấp T, xã P, tỉnh Cà Mau) (có mặt).

Căn cước công dân số: 096186007197; cấp ngày: 18/01/2022; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Người kháng cáo: Bà Lê Thị Thùy D1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Ông với Bà Lê Thị Thùy D1 là bạn bè, do cần tiền làm ăn nên Bà Lê Thị Thùy D1 có vay tiền của ông nhiều lần nhưng không làm biên nhận. Đến ngày 21/05/2023, bà D1 cùng ông đối chiếu số tiền nợ và bà D1 có ký giấy vay của ông số tiền là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng), thỏa thuận thời gian trả là 24 tháng, lãi suất là 4%/tháng, lãi suất được trả hàng tháng. Sau khi viết giấy nợ, do thấy hoàn cảnh bà D1 khó khăn nên ông chuyển cho bà D1 mượn thêm số tiền 9.500.000 đồng nhưng không có viết biên nhận và ông cho bà D1 tham gia dây hụi 3.000.000 đồng do ông mở vào ngày 01/7/2023 để cho bà D1 hốt hụi trả số tiền nợ trên cho ông. Dây hụi có 24 chưng, bà D1 tham gia chơi 01 chưng, mỗi tháng khui một lần và trong quá trình giao dịch, bà D1 đã đóng dược hai kỳ hụi sống với số tổng số tiền 4.400.000 đồng đến kỳ thứ ba, bà D1 đòi hốt hụi nhưng không đồng ý trả nợ cho ông như thỏa thuận khi chơi hụi nên ông không cho bà D1 tham gia chơi hụi nữa.

Tại phiên tòa, bà D1 cho rằng vay của ông 0 lần vào năm 2022 với số tiền vốn vay 150.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 4%/tháng và trong thời gian vay đã trả được 42.000.000 đồng tiền lãi còn nợ lại ông 10.000.000 đồng tiền lãi nên ngày 21/5/2023, bà D1 ký giấy vay tiền ông số tiền 160.000.000 đồng trong đó có 150.000.000 đồng tiền vốn, 10.000.000 đồng tiền lãi là không đúng. Từ khi viết giấy nợ cho đến nay, bà D1 không trả lãi như đã thỏa thuận nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D1 phải trả cho ông 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) tiền nợ gốc và tiền lãi tính từ ngày 21/05/2023 đến ngày xét xử (ngày 15/4/2025) theo mức lãi suất 20%/năm. Đối với khoản tiền 9.500.000 đồng, ông đồng ý đối trừ số tiền 4.400.000 đồng bà D1 đã đóng hai kỳ hụi sống và số tiền lãi bà D1 đã trả là 4.100.000 đồng theo chứng từ đã cung cấp cho Tòa án, số tiền còn nợ lại trong khoản nợ này ông cho bà D1, không yêu cầu trả lại. Ngoài ra, ông không yêu cầu thêm khoản nào khác.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, Bà Lê Thị Thùy D1 (bị đơn) trình bày:

Ngày 01/10/2022, bà có mượn ông Lê Chí D số tiền 100.000.000 đồng và ngày 21/12/2022, mượn tiếp số tiền 50.000.000 đồng để làm kinh tế với lãi suất thỏa thuận là 4%/tháng và tính từ khi vay đến ngày 21/5/2023, bà đã đóng lãi cho ông D số tiền 42.000.000 đồng. Do làm ăn thất bại, bà xin ông D cho trả nợ gốc và xin giảm lãi nhưng ông D không chấp nhận. Sau đó, ông D có cho bà tham gia chơi 01 chưng hụi, loại hụi 3.000.000 đồng mở ngày 01/7/2023 do ông D làm chủ. Quá trình chơi hụi đến kỳ thứ ba, bà xin hốt hụi nhưng ông D không cho mà lấy chưng hụi của bà để hốt và không trả lại tiền hụi bà đã đóng ở hai kỳ hụi với số tiền 4.400.000 đồng. Đến ngày 21/5/2023, ông D biết hoàn cảnh của chị khó khăn nên thống nhất giảm lãi suất 0,4%/tháng cho bà và bà có ký vào giấy cho vay tiền với số tiền vay của ông D là 160.000.000 đồng. Ngày 22/5/2023, bà thắc mắc với ông D số tiền vốn vay 150.000.000 đồng vì sao lại ghi là 160.000.000 đồng, ông D nói là có 10.000.000 đồng tiền lãi nhập vào vốn. Đến ngày 26/9/2023, ông D gặp trực tiếp bà trao đổi và yêu cầu bà gửi trả lãi mỗi tháng 1.000.000 đồng. Do bà không có tiền đóng lãi nên ngày 31/01/2024, ông D nhắn tin tính lãi 4% như cũ.

Theo giấy vay tiền ngày 21/5/2023, mức lãi suất thỏa thuận giữa bà với ông D không có sự trùng khớp về cách viết bằng chữ và bằng số tức là không xác định rõ lãi suất nên theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự thì phải áp dụng mức lãi suất 10%/năm nhưng ông D yêu cầu tính mức lãi suất 20%/năm là không đúng quy định. Ngoài ra, từ ngày 21/5/2023 đến ngày 25/10/2023, ông D có cho bà mượn số tiền 9.500.000 đồng, không tính lãi và số tiền này theo chứng từ giao dịch đã cung cấp cho Tòa án, bà đã chuyển trả cho ông D được 8.500.000 đồng (trong đó có tiền 4.400.000 đồng của hai kỳ hụi bà đã chuyển đóng hụi cho ông D) nên trong khoản nợ này, bà chỉ còn nợ ông D số tiền 1.000.000 đồng. Nay tại phiên tòa, bà thừa nhận có nợ và đồng ý trả cho ông D số tiền vốn vay sau khi đối trừ số tiền lãi bà đã trả còn thừa vào nợ gốc, trừ tiền lãi nhập vào vốn là: {160.000.000 đồng (theo giấy vay) - 10.000.000 đồng (lãi nhập vốn) - 22.833.000 đồng (số tiền dư sau khi điều chỉnh lãi suất 4%/tháng xuống 1,66%/tháng)}=127.167.000 đồng và trả lãi tính từ ngày 21/5/2023 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 0,4%/tháng. Đồng thời, trả 1.000.000 đồng tiền mượn còn nợ ông D, riêng khoản tiền hụi tuy ông D không cho bà hốt hụi và không cho bà tiếp tục chơi hụi nên từ kỳ khui hụi thứ ba, bà không còn tham gia chơi hụi nữa nên bà không yêu cầu gì đối với việc chơi hụi này. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 83/2025/DSST ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau đã quyết định (tóm tắt):

Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Chí D. Buộc bà Lê Thị Thùy D1 trả cho ông Lê Chí D các khoản với tổng số tiền là 220.799.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, trường hợp thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 28/4/2025 Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nhận được đơn kháng cáo của bà Lê Thị Thùy D1, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của bà là trả cho ông D số tiền nợ gốc 127.167.000 đồng và số tiền nợ lãi suất 11.699.364 đồng.

Ngày 12/8/2025 bà Lê Thị Thùy D1 có đơn kháng cáo bổ sung, bà yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chỉ buộc bà trả cho ông D số nợ gốc 93.433.333 đồng và nơ lãi 10.090.799 đồng. Yêu cầu ông D thanh toán chi phí thực hiện thủ tục lập vi bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Lê Thị Thùy D1 trình bày: Bà yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo bổ sung của bà, đề nghị trừ lại số lãi bà đã đóng cao hoặc đề nghị chuyển cơ quan cảnh sát điều tra xem xét hành vi cho vay nặng lãi và đe dọa tính mạng của bà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Lê Thị Thùy D1, giữ nguyên

Bản án sơ thẩm số 83/2025/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn kháng cáo của bà Lê Thị Thùy D1 nộp trong thời hạn quy định của pháp luật. Về tố tụng, quan hệ tranh chấp, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đã được cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Thùy D1 về số tiền gốc phải trả, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Tại phiên tòa, bà D1 xác định ông D đánh máy giấy vay tiền rồi gửi file qua Zalo cho bà, bà chỉnh sửa, in ra rồi ký tên, sau đó đưa lại giấy vay tiền cho ông D giữ.

[2.2] Tại buổi hòa giải ngày 21/02/2025 do Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tổ chức, bà D1 thỏa thuận trả cho ông D tổng số tiền 215.000.000 đồng (trong đó nợ gốc là 160.000.000 đồng), Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau lập biên bản hòa giải thành nhưng đến ngày 26/02/2025 bà D1 có đơn yêu cầu thay đổi ý kiến.

[2.3] Bà D1 cho là khi bà viết giấy vay tiền là do ông D hăm dọa, bắt bà viết nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, bà D1 xác định chính bà là người in và ký giấy vay tiền để đưa lại ông D, do đó không có căn cứ cho là ông D hăm dọa bà để buộc bà D1 viết giấy vay tiền.

[2.4] Từ sự việc bà Dương T in, ký biên nhận vay 160.000.000 đồng vào ngày 21/5/2023, cho thấy sau quá trình vay nhiều lần, ngày 21/5/2023 bà D1 và ông D tổng kết nợ gốc là 160.000.000 đồng, nên không có căn cứ tính lại số tiền bà D1 và ông D đã giao dịch, thanh toán cho nhau trước ngày bà D1 viết Giấy cho vay tiền. Do đó, cấp sơ thẩm xác định bà D1 còn nợ ông D 160.000.000 đồng, là có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Thùy D1 về lãi suất và số tiền lãi phải trả, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Tại Giấy cho vay tiền ghi ngày 21/5/2023, tuy tại mục Mức lãi suất: 0,4%/tháng hay 04%/tháng (do dấu phẩy có dấu hiệu tẩy xóa) nhưng liền kề số thì có ghi chú thêm mức lãi suất bằng chữ (“bốn phần trăm trên tháng tính trên số tiền gốc”). Do đó, cấp sơ thẩm xác định lãi suất ghi trong Giấy cho vay tiền là 04%/tháng và điều chỉnh lại theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự (20%/năm), là có căn cứ.

[3.2] Do đôi bên thỏa thuận và viết biên nhận nợ vào ngày 21/5/2023, nên cấp sơ thẩm tính lãi từ ngày 21/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (15/4/2025), với mức lãi suất 20%/năm, với số lãi phải trả:

(160.000.000đ x 01 năm 10 tháng 24 ngày) x 20%/năm = 60.799.280 đồng, là có căn cứ.

[3.3] Tại cấp phúc thẩm, bà D1 cung cấp các chứng từ giao dịch và cung cấp Vi bằng ghi nhận những lần bà D1 chuyển khoản cho ông D. Tuy nhiên đây là

những lần chuyển khoản trước khi bà D1 và ông D thỏa thuận kết nợ vào ngày 21/5/2023, nên không được chấp nhận để làm căn cứ tính lại.

[3.4] Bà D1 có yêu cầu Tòa án xác minh về Zalo của ông D để bà chứng minh ông D nhắn tin Z cho bà về số tiền lãi đã trả. Tuy nhiên, do nhận định trên về việc giữa bà D1 và ông D đã kết nợ khi ký giấy cho vay tiền nên không được chấp nhận tính lại số tiền đôi bên đã thanh toán cho nhau trước ngày đôi bên kết nợ nên không cần thiết xác định Zalo của ông D như bà D1 yêu cầu.

[4] Từ những căn cứ và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Thùy D1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 83/2025/DS-ST ngày 16/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng và án phí

[5.1] Chi phí tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D1 nộp cho Tòa án 01 Vi bằng ghi lại quá trình gửi tin nhắn Zalo... giữa ông D và bà D1. Bà D1 yêu cầu ông D trả lại chi phí lập Vi bằng 2.750.000 đồng. Do kháng cáo của bà D1 không được chấp nhận, nên bà D1 phải tự chịu chi phí lập Vi bằng (Bà D1 đã thanh toán xong cho Văn phòng T1).

[5.2] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Thùy D1 phải chịu trên số tiền phải trả cho ông D.

Ông Lê Chí D không phải chịu.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Thùy D1 phải chịu.

[6] Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Thùy D1.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 83/2025/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (Nay là: Toà án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Chí D.

Buộc bà Lê Thị Thùy D1 trả cho ông Lê Chí D tổng số tiền là 220.799.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Lê Chí D có đơn yêu cầu thi hành án, bà Lê Thị Thùy D1 không tự nguyện thi hành xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi

suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Lê Thị Thùy D1 phải chịu (đã thanh toán xong).

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Lê Thị Thùy D1 phải chịu số tiền 11.040.000 đồng (Mười một triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Ông Lê Chí D không phải chịu. Ngày 07/01/2025, ông D đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 5.297.500 đồng, theo biên lai thu số 0003723, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, được nhận lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Thùy D1 phải chịu 300.000 đồng, ngày 29/4/2025 bà D1 đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo biên lai số 0004081, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (nay là: Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - Cà Mau) được chuyển thu.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;*
- *Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau;*
- *Phòng THADS Khu vực 3 - Cà Mau;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu VT (TM:TANDTCM).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Cao Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hải Hà **Đinh Cẩm Đào** **Đỗ Cao Khánh**

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 3 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Cao Khánh